

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/KDTM-PT

Ngày: 02/8/2017

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Mai Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 98/2017/TLPT-KDTM ngày 07/12/2016 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án sơ thẩm số 13/2016/KDTM ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2017/QĐPT –KDTM ngày 09/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 172/QĐ-PT ngày 11/7/2017 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: phường T, quận B, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thanh H – Giám đốc Ngân hàng N -chi nhánh L. Ông Lê Thanh H ủy quyền cho ông Lê Hồng S. Địa chỉ: phố H, phường T, quận H, Hà Nội (ông H, ông S có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 119/UQ-NHNNLB ngày 26/2/2016)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T.

Địa chỉ: đường N, phường N, quận L, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Th – Giám đốc Công ty. Địa chỉ: phường G, quận L, TP Hà Nội. (ông Th có mặt)

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị Kim O, sinh năm 1974. HKTT: đường N, phường N, quận L, TP Hà Nội. Nơi ở: đường N, phường G, quận L, Hà Nội (bà O có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị Kim O: Luật sư Nguyễn Thị Kim Th, luật sư Phạm Văn H, Luật sư Đỗ Xuân Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Th thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội (có mặt).

2. Cháu Nguyễn Thùy D, sinh 1998 (vắng mặt)

3. Cháu Nguyễn Bùi Minh Đ, sinh năm 2009.

Cháu D và cháu Đ là con của ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Kim O.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đ là ông Nguyễn Văn Th; bà Bùi Thị Kim O.

4. Ông Bùi Tiến D, sinh năm 1964, địa chỉ: đường N, phường N, quận L, TP Hà Nội (vắng mặt)

5. Ông Bùi Quang H, sinh năm 1967 (Đã bị Tòa án yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú). Nơi cư trú cuối cùng: đường N, phường G, quận L, Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N thì nội dung yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngân hàng N- chi nhánh L-phòng Giao dịch Nguyễn S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N – chi nhánh L) và Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T (sau đây gọi tắt là công ty T) đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng tín dụng sau:

Ngày 20/11/2013, ông Nguyễn Văn Th cùng vợ là bà Bùi Thị Kim O đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số công chứng 3920/2013, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐTC Văn phòng công chứng HĐ thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 228(1), tờ bản đồ số 331-12, diện tích 123,2m² và nhà ở bê tông trên đất có diện tích xây dựng 51,70m², diện tích sàn 103,40m², bê tông, cấp IV, 2 tầng tại phường G, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 922814 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 23/8/2013, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 1019 đứng tên ông Nguyễn Văn Th.

Theo Hợp đồng thế chấp bên nhận thế chấp tài sản là Phòng giao dịch Nguyễn S- chi nhánh L -Ngân hàng N; bên thế chấp tài sản là ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Kim O. Tại hợp đồng thế chấp đã ghi Chứng minh thư nhân dân và địa chỉ của ông Th và bà O. Nghĩa vụ được đảm bảo và thời hạn thế chấp: bên có nghĩa vụ là Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T, đại diện là ông Bùi Tiến D - Giám đốc. Tài sản thế chấp được đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm: nợ gốc, lãi, số dư, bảo lãnh, L/C, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, phí và các chi phí liên quan nếu có của khách hàng vay vốn theo hợp đồng cấp tín dụng (bao gồm các văn bản, hợp đồng đã ký kết và sẽ ký kết trong tương lai, hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi...; hạn mức/mức dư nợ cho vay là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng). Các điều kiện chi tiết về việc vay, cho vay sẽ được ghi cụ thể trong hợp đồng tín dụng và các giấy tờ nghiệp vụ ngân hàng; thời hạn thế chấp tài sản là 60 tháng kể từ ngày hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm

Sau đó, Ngân hàng N- chi nhánh L – phòng giao dịch Nguyễn S và công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T đã ký kết hai hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng tín dụng số 1220LAV 2013 00596 ngày 21/11/2013 do ông Bùi Tiến D – Giám đốc Công ty T ký kết. Nội dung: Ngân hàng N –chi nhánh L cho Công ty T vay số tiền 2.000.000.000đ (2 tỷ đồng), thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu 21/11/2013, ngày trả nợ cuối cùng 21/5/2014, lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn: tối đa bằng 150%lãi suất cho vay đối với số nợ gốc chậm trả. Cả hai hợp đồng tín dụng đều quy định tại Điều 8 về bảo đảm tiền vay là tài sản thế chấp có tổng giá trị là 7.360.000.000đ.

Cùng ngày 21/11/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T vay số tiền là 2.000.000.000đ.

2. Hợp đồng tín dụng số 1220LAV 2013 00663 ngày 30/12/2013 do ông Nguyễn Văn Th – Giám đốc công ty T ký kết. Nội dung: Ngân hàng N – chi nhánh L cho Công ty T vay số tiền 3.000.000.000đ (3 tỷ đồng), thời hạn vay: 04 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu 30/12/2013, ngày trả nợ cuối cùng 30/4/2014, lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn: tối đa bằng 150% lãi suất cho vay đối với số nợ gốc chậm trả. Cả hai hợp đồng tín dụng đều quy định tại Điều 8 về bảo đảm tiền vay là tài sản thế chấp có tổng giá trị là 7.360.000.000đ.

Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T vay số tiền theo hợp đồng này vào ngày 30/12/2013 là 1.391.995.000đ và ngày 07/01/2014 số tiền là 1.600.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho công ty T vay là 4.991.995.000đ. Sau khi cho vay, phòng Giao dịch Nguyễn S thường xuyên làm việc với Công ty T và lập các biên bản kiểm tra sau cho vay. Đến ngày 26/6/2014, phòng Giao dịch Nguyễn S đã có văn bản gửi công ty T và ông Th, bà O về việc nợ quá hạn, tính đến ngày 26/6/2014, công ty T còn nợ gốc 4.991.995.000đ, lãi vay theo hợp đồng tín dụng số 1220LAV201300596 ngày 21/11/2013 là 67.222.222đ; lãi vay theo hợp đồng tín dụng số 1220LAV201300663 ngày 30/12/2013 là 111.992.035đ; lãi quá hạn là 179.214.257đ; đồng thời yêu cầu công ty T phải trả nợ các khoản vay.

Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu: buộc Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay và lãi quá hạn phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 1220LAV2013 00596 và số 1220LAV201300663 cho Ngân hàng N tính đến thời điểm khởi kiện: nợ gốc 4.991.995.000đồng, lãi vay trong hạn: 1.046.791.036đ, lãi quá hạn: 399.937.951đ, tổng cộng: 6.438.759.987đ. Kể từ ngày bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T không thực hiện thanh toán các khoản nợ và lãi phát sinh nêu trên, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 123,2 m²đất, thửa đất số 228(1), tờ bản đồ số 331-12, diện tích sử dụng riêng 123,2m², mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài tại phường G, quận L, Hà Nội và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số

BO 922814, số vào sổ cấp GCN: CH 1019 do UBND quận L cấp ngày 23/8/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn Th để đảm bảo thi hành án. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo sau khi trừ đi chi phí liên quan đến việc bán, xử lý tài sản sẽ được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán các khoản nợ thì công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu trả nợ gốc 4.991.995.000đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.068.337.698đ, tổng cộng: 7.060.332.698đ.

Phía bị đơn- ông Nguyễn Văn Th – là người đại diện theo pháp luật của công ty T trình bày:

Công ty T có ký hai hợp đồng tín dụng và giải ngân số tiền như nguyên đơn trình bày. Số tiền vay Ngân hàng là do ông Bùi Quang H tiêu, ông hoàn toàn không biết. Do điều kiện kinh tế khó khăn, ông không đưa ra được lộ trình trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về tài sản thế chấp: vợ chồng ông đã ký hợp đồng thế chấp số công chứng 3920/2013, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐTC tại Văn phòng công chứng HĐ, thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 228(1), tờ bản đồ số 331-12, diện tích 123,2m² tại phường G, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO: 922814 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 23/8/2013. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (thế chấp tài sản) trong quá trình giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Kim O chỉ thừa nhận tài sản thế chấp vợ chồng ký kết với Ngân hàng chỉ để đảm bảo cho khoản vay 2.000.000.000đ và chỉ thế chấp để đảm bảo cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Du lịch T chứ không phải đảm bảo cho Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T.

Ông Bùi Tiến D trình bày: Vào thời điểm ngày 21/11/2013 ông đứng tên là Giám đốc Công ty T vì em trai của ông là ông Bùi Quang H bảo ông đứng tên để vay hộ tiền. Sau đó khoảng một tháng thì ông Nguyễn Văn Th làm giám đốc thay ông. Thực tế ông không biết về việc Ngân hàng đã giải ngân tiền cho ông H như thế nào và ông H đã trả được Ngân hàng bao nhiêu tiền. Ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Quang H vắng mặt tại nơi cư trú và đã bị Tòa án tuyên bố vắng mặt tại nơi cư trú nên không có lời khai.

Tại bản án số 13/2016/KDTM-ST ngày 28/9/2016 của Tòa án nhân dân quận L đã quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T.

2. Buộc Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T phải thanh toán trả cho Ngân hàng N tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tính đến 28/9/2016 là: 7.060.332.698đ trong đó nợ gốc: 4.900.000.000đ, nợ lãi: 2.068.337.698đ.

3. Trong trường hợp Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất cụ thể là:

Quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 228 (1), tờ bản đồ số 331-12, diện tích sử dụng riêng 123,2m², đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài tại phường G, quận L, thành phố Hà Nội và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BO 922814, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 1019 do UBND quận L cấp ngày 23/8/2013 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 3920/2013, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 20/11/2013 do Văn phòng công chứng HĐ chứng nhận để thu hồi nợ đối với Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản đảm bảo, ngoài các đương sự trong vụ án này, nếu tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo còn có những người khác có hộ khẩu tại địa chỉ này hoặc không có hộ khẩu nhưng thực tế đang sinh sống tại địa chỉ này cũng phải chuyển đi chỗ khác để thi hành án.

4. Do bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T phải trả chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán trả cho Ngân hàng N là 115.060.333 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 54.658.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự L theo biên lai số 8352 ngày 9/5/2016.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 10/10/2016, bà Bùi Thị Kim O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, có các nội dung:

-Bà O chỉ thỏa thuận bảo lãnh cho Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T vay số tiền là 2.000.000.000đ nhưng Văn phòng công chứng HĐ không giải thích rõ cho bà về nghĩa vụ bảo đảm đối với những vấn đề phát sinh từ khoản vay khi xử lý tài sản để thu hồi nợ khiến cho bà bị nhầm lẫn.

-Bản án xét xử không công bằng, thiếu khách quan. Việc bà ký hợp đồng thế chấp tài sản của mình để đảm bảo nghĩa vụ cho Công ty T vay để kinh doanh, tuy nhiên Công ty T thực chất là công ty ma, không hoạt động ngày nào, Công ty T thành lập chỉ nhằm mục đích hợp thức hóa hồ sơ chứng từ để Công ty TNHH TM &DV H do ông Bùi Quang H làm giám đốc đảo nợ Ngân hàng hợp thức việc rút tài sản đảm bảo và thay thế tài sản đảm bảo bằng tài sản của gia đình bà để công ty H trốn nợ. Bằng chứng là công văn chỉ đạo số 79 ngày 23/9/2013 về việc phê duyệt thay đổi tài sản của công ty TNHH TM và DV Hữu H có nội dung: rút 02 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Phú Th và bà Hồ Thị X và quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị H (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); thế chấp thay thế bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Kim O. Đây là việc Ngân hàng N- chi nhánh L đã thông đồng, sắp xếp lên kế hoạch để lừa vợ chồng bà, hướng dẫn Công ty H hợp thức hóa để đảo nợ Ngân hàng và hoàn tất thủ tục của một công ty ma; việc Ngân hàng giải ngân cho công ty T về nguyên tắc cơ bản là không đúng pháp luật, Ngân hàng biết rõ điều đó cứ lơ đi để làm sai nguyên tắc cơ bản, nay Công ty H vỡ nợ, giám đốc Bùi Quang H bỏ trốn, việc rủi ro xảy ra bên cho vay phải chịu trách nhiệm về hoạt động tín dụng của mình, không thể đổ hết trách nhiệm và tịch thu tài sản đảm bảo của người dân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo - bà Bùi Thị Kim O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Nguyên đơn -Ngân hàng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Phạm Văn H, Nguyễn Thị Kim Th có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung liên quan đến hoạt động của Công ty H và Công ty T, chưa làm rõ thủ tục giải ngân hợp đồng tín dụng, chưa làm rõ mục đích sử dụng vốn vay, cho rằng hai công ty nêu trên thực chất chỉ là một, do ông H và Ngân hàng N thông đồng để cho ông H rút được tiền Ngân hàng. Hoạt động tín dụng giữa Phòng giao dịch Nguyễn S và Công ty T là trái quy định của pháp luật, ông Th, bà O ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo khoản vay của công ty TNHH Dịch vụ thương mại và du lịch T chứ không phải cho công ty TNHH Dịch vụ và thương mại T, khi ký hợp đồng thế chấp thì vợ chồng bà O chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất thế chấp, đề nghị tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu, hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về nội dung: Công ty T và Ngân hàng N đã ký kết hợp đồng tín dụng có nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty T đã nhận đủ tiền theo các khế ước nhận nợ, trên khế ước đều có đóng dấu và đầy đủ chữ ký của Giám đốc và Kế toán công ty. Trong cả quá trình giải quyết Ngân hàng thường xuyên làm việc với Công ty T và lập các biên bản kiểm tra sau cho vay. Đối với tài sản đảm bảo: căn cứ nội dung hợp đồng thế chấp thì vợ chồng bà O đã thế chấp tài sản nêu trên để đảm bảo các hợp đồng tín dụng đã ký kết và sẽ ký kết trong tương lai giữa công ty T và Ngân hàng. Việc ký thế chấp là tự nguyện và đã được đăng ký theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Việc bà O cho rằng mình bị lừa, cho rằng ông H là người sử dụng vốn vay, Công ty T và Công ty H thực chất là do ông H thành lập thông đồng với Ngân hàng để nhằm vay tiền, sử dụng vốn vay không đúng mục đích nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bản thân bà O và ông Th cũng thừa nhận đã tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp. Hiện nay, ông Th vẫn là Giám đốc- người đại diện theo pháp luật của Công ty Thúc Nh. Vì vậy, Công ty TNHH dịch vụ và thương mại T phải chịu trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vợ chồng ông Nguyễn Văn Th, bà Bùi Thị Kim O phải chịu trách nhiệm theo Hợp đồng thế chấp. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Kim O trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Vì vậy đơn kháng cáo là hợp lệ.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Tiến D, ông Bùi Quang H, cháu Nguyễn Thùy D: các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, các đương sự đều không có kháng cáo, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo, thấy rằng:

Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà số công chứng 3920/2013, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐTC tại Văn phòng công chứng HĐ, thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 228(1), tờ bản đồ số 331-12, diện tích 123,2m² tại phường G, quận L, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO: 922814 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 23/8/2013 được lập theo đúng trình tự quy định của pháp luật; trước đó ngày 19/11/2013, ông Nguyễn Văn Th và bà Bùi Thị Kim O có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp. Nội dung hợp đồng thế chấp quy định rõ quyền và nghĩa

vụ của các bên, nghĩa vụ được bảo đảm, giá trị tài sản thế chấp và hạn mức dư nợ cho vay được các bên tham gia hợp đồng cùng ký kết xác nhận.

Đối với nội dung nhằm lẫn là công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Du lịch T tại trang 2 của Hợp đồng thế chấp đã được Văn phòng công chứng HĐ sửa chữa và đóng dấu. Phần nội dung quan trọng có ý nghĩa pháp lý là ký và xác nhận của đại diện khách hàng vay là dấu công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T do Giám đốc Bùi Tiến D ký chứ không có đại diện khách hàng vay là **công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Du lịch T** và đại diện theo pháp luật của công ty này.

Cũng với lý do trên, không có căn cứ xác định rằng bà O và ông Th chỉ thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay 2.000.000.000đ. Hơn nữa, khoản tín dụng 2.991.995.000đ theo hợp đồng tín dụng số 1220LAV201300663 ngày 30/12/2013 do chính ông Th thời điểm đó ký kết và xác nhận số tiền giải ngân.

Các nội dung khác về việc công ty ma, không hoạt động, việc giải ngân của Ngân hàng không đúng thủ tục thì trong suốt quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng, bà O không nêu ra nội dung này, không trình báo với Ngân hàng, chỉ đến khi Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bà O mới đưa ra nhằm trốn tránh trách nhiệm của người đứng ra đảm bảo bằng tài sản. Theo quy định tại Điều 342, 348 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 320 của Bộ luật dân sự 2015, vợ chồng ông Th, bà O vẫn phải chịu nghĩa vụ về việc đã ký kết và xác lập hợp đồng thế chấp.

Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi cho bà O đưa ra những nội dung cũng là những nội dung đã được bà Oanh kháng cáo và có quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, với những căn cứ và nhận định như trên cũng không có cơ sở để chấp nhận.

Về tuyên lãi suất của Hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm: tại Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu của Ngân hàng N về lãi suất sau ngày xét xử sơ thẩm chưa được làm rõ, tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu lãi suất theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm và chấp nhận mức lãi suất thi hành án của bản án sơ thẩm đã tuyên là mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bên có nghĩa vụ phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tuy chưa đúng với trường hợp giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, nhưng so với mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng thì người vay không bị bất lợi về tài sản. Đây được coi là sự tự nguyện của Ngân hàng. Hơn nữa, nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị cần được giữ nguyên. Tuy nhiên, thời điểm phải chịu nghĩa vụ về khoản lãi chậm trả theo quyết định của án sơ thẩm chưa rõ ràng cần sửa lại để có căn cứ để thi hành.

Án sơ thẩm chỉ xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn Th là Đại diện theo pháp luật của Công ty T là thiếu sót vì ông Th còn có tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với việc ông là người thế chấp tài sản của mình để đảm bảo khoản vay cho công ty T. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Th cũng đã được trình bày quan điểm, lời khai, yêu cầu của mình đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và công khai chứng

cứ, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm để bảo vệ quyền lợi cho công ty T và quyền lợi của cá nhân ông đối với việc xử lý tài sản thế chấp, như vậy thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung của phần Quyết định: bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên chỉ cần nhận định, không cần thiết phải đưa vào phần quyết định của bản án. Tuy nhiên nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên. Phần quyết định của án sơ thẩm buộc Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại T phải thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng nhưng không nêu đầy đủ cụ thể hợp đồng nào, không tuyên chính xác khoản nợ gốc cũng như ghi một số thông tin theo hợp đồng thế chấp chưa chính xác, cần sửa lại.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Kim O, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm nhưng sửa cách tuyên án.

Về án phí phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận song do sửa cách tuyên án nên bà Bùi Thị Kim O không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Kim O.

-Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, sửa cách tuyên,cụ thể như sau:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với công ty TNHH dịch vụ và thương mại T.

2. Buộc Công ty TNHH dịch vụ và thương mại T phải thanh toán trả cho Ngân hàng N tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1220LAV 2013 00596 ngày 21/11/2013 và Hợp đồng tín dụng số 1220LAV 2013 00663 ngày 30/12/2013 tính đến 28/9/2016 là: 7.060.332.698đ trong đó nợ gốc: 4.991.995.000đ, nợ lãi: 2.068.337.698đ.

3. Trong trường hợp công ty TNHH dịch vụ và thương mại T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 228 (1), tờ bản đồ số 331-12, diện tích 123,2m² và quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất diện tích xây dựng 51,70m², diện tích sàn 103,40m², cấp IV, số tầng 2 và phần giá trị đã đầu tư vào tài sản thế chấp (nếu có) tại phường G, quận L, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 922814, số vào sổ cấp GCN 1019 do Ủy ban nhân dân quận L, TP Hà Nội cấp ngày 23/8/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số công chứng 3920/2013, quyền số 07

TP/CC-SCC/HĐTC Văn phòng công chứng HĐ để thu hồi nợ đối với Công ty TNHH dịch vụ và thương mại T.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản đảm bảo, ngoài các đương sự trong vụ án này, nếu tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo còn có những người khác có hộ khẩu tại địa chỉ này hoặc không có hộ khẩu nhưng thực tế đang sinh sống tại địa chỉ này cũng phải chuyển đi chỗ khác để thi hành án.

4. Do bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH dịch vụ và thương mại T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán trả cho Ngân hàng N là 115.060.333 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 54.658.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận L theo biên lai số 08352 ngày 9/5/2016.

-Án phí phúc thẩm: bà Bùi Thị Kim O không phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm, được hoàn trả 200.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 08934 ngày 10/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 02/8/2017.

Nơi nhận:

-VKSND TP Hà Nội;

-Cục thi hành án dân sự

TP Hà Nội;

-Chi cục thi hành án dân sự
quận L

-TAND quận L;

-Các đương sự;

-Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hưng

